

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung
giữa chị T, anh B

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Dương

2. Bà Nguyễn Thị Phương

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số:15/2023/QĐ – ST, ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1992

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Viết B, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(có mặt chị T, vắng mặt anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh B ở thôn A, xã A, huyện Q. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không tu chí làm ăn, chơi bời dẫn đến nợ nần, anh B còn ghen tuông vô cớ. Anh B còn chửi chị, đã nhiều lần chị khuyên bảo cũng như trả nợ cho anh B nhưng anh vẫn không thay đổi gì. Vợ chồng chị tuy chung sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm gì đến nhau, vợ chồng cũng không còn quan hệ chuyện tình cảm vợ chồng với nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị T xin được ly hôn

anh Nguyễn Viết B;

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Minh S, sinh ngày 23/3/2011 và Nguyễn Viết Minh S1, sinh ngày 05/3/2017, khi ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh B góp cấp dưỡng nuôi con, chị và các con đang ở nhà anh B, hiện tại chị T không có thai nghén gì. Lý do chị muốn xin nuôi con vì hai con chung (S, S1) đều mong muốn ở cùng với chị. Hàng ngày chị đi làm công ty tư nhân An Huy ở gần nhà với mức thu nhập hàng tháng là 12.000.000đ/tháng, anh B đi lao động tự do nên thu nhập không ổn định. Trường hợp chị được nuôi dưỡng cả 02 con chung chị sẽ đưa 02 con chung về nhà bố, mẹ đẻ chị ở thôn L, xã A sinh sống. Bố mẹ chị hiện vẫn còn khỏe mạnh để cùng chị nuôi dạy các con. Anh B cũng nhận nuôi các con chung, chị không đồng ý vì anh còn phải chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ đẻ bị khuyết tật không tự phục vụ được. Quyền sử dụng đất và nhà ở mà chị và các con đang ở là đi ở nhờ của ông Lê Đắc B1 và bà Nguyễn Thị L tại thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (theo *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất* ngày 20/9/2019).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn- anh Nguyễn Viết B** không đến tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng đã có lời trình bày tại Biên bản lấy lời khai: Về hôn nhân anh B đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung, anh mong muốn nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị T phải góp cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh điều kiện nuôi con;

Tòa án tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ:

Bà Lê Thị X, sinh năm 1972 (là mẹ đẻ chị T) trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh B là do anh B ham chơi dẫn đến nợ nhiều. Hiện nay anh B đi làm ăn thỉnh thoảng mới về, việc chị T làm đơn khởi kiện ly hôn bà X thấy vợ chồng không còn tình cảm. Về con chung bà X nhất trí việc chị T mong muốn trực tiếp nuôi cả 02 con, gia đình bà cũng hoàn toàn đồng ý và sẵn sàng chăm sóc các cháu, vì anh B không ở nhà và mẹ anh B bị khuyết tật.

Bà Nguyễn Thị Nh (là mẹ đẻ anh B trình bày) Về hôn nhân đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung (Minh S và Minh S1) cho anh B nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T góp cấp dưỡng nuôi con. Lý do là việc nuôi dưỡng 02 cháu do bà và anh B nuôi dưỡng từ nhỏ. Về tài sản chung bà Nh trình bày vợ chồng không có tài sản gì chung. Lời trình bày của ông Vũ Ngọc S, trưởng thôn A, xã A cho biết về hôn nhân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện thực tế để giao con chung đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu.

- *Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết theo hướng: Chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự ly hôn thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Viết B có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung và tài sản chung của vợ chồng, Vì vậy Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T trình bày mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh B không chịu khó làm ăn. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì hòa giải, động viên để hai bên đoàn tụ song không có kết quả. Anh B đề nghị giải quyết ly hôn theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo phiên hòa giải, thời gian, địa điểm hòa giải để chị T và anh B có thời gian để vợ chồng tìm lại tiếng nói chung nhưng anh B không đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên hòa giải để có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị T anh B ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T, anh B có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Minh S, sinh ngày 23/3/2011 và Nguyễn Viết Minh S1, sinh ngày 05/3/2017. Cả chị T, anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của anh, chị là chính đáng, tuy nhiên cần xem xét việc hai cháu Minh S và Minh S1 đang được chị T chăm sóc nuôi dưỡng từ khi

các cháu còn nhỏ. Hàng ngày các cháu được chị T đưa đi học và đón về nhà. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của con chung (cháu Minh S) cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại gia đình nhà anh B thì anh B là người đi làm ăn xa nhà, không cung cấp được thu nhập hàng tháng. Bà Nh là người khuyết tật hàng tháng đang hưởng trợ cấp xã hội và tại phiên tòa chị T cung cấp thông tin ngôi nhà mà bà Nh, anh B đang ở là đi ở nhờ của ông Lê Công B và bà Nguyễn Thị L (phù hợp với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 20/9/2019 giữa anh B, chị T với ông B, bà L). Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh B về việc nhận nuôi cả 02 con. Để đảm bảo sự ổn định của con chung về tâm lý, sự phát triển về thể chất, cần giao hai con chung Nguyễn Đỗ Minh S, sinh ngày 23/3/2011 và Nguyễn Viết Minh S1, sinh ngày 05/3/2017 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh B góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Đỗ Thị T ly hôn anh Nguyễn Viết B.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Đỗ Minh S, sinh ngày 23/3/2011 và Nguyễn Viết Minh S1, sinh ngày 05/3/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh B phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị T, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ với tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004889 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Đỗ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 4 năm 2023). Anh Nguyễn Viết B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã A, h. Quỳnh Phụ*
(nơi ĐKKH);
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng